

CÔNG TY TNHH TRANS TH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRANS TH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANS TH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRANS TH CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108617856

3. Ngày thành lập: 20/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

CH21, Khu Biệt Thự Liên Kề, Vinaconex7, 136 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
2.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
3.	Khai thác muối	0893
4.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
11.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi), bán nhiều loại hàng hóa: Quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực, thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác	4719
12.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
13.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
14.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
15.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
16.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
17.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

18.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
19.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
20.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
21.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
22.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
23.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe buýt để đưa đón công nhân, học sinh theo lịch trình, giờ cố định, các điểm đỗ cố định để đón, trả khách.	4929
24.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
25.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
29.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
30.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
31.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
32.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
34.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ Hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Tư vấn về công nghệ khác;	7490
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710

37.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
38.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
39.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
40.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
41.	Tái chế phế liệu	3830
42.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.	3900
43.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại trừ động vật nhà nước cấm)	4620
44.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
45.	Bán buôn thực phẩm	4632
46.	Bán buôn đồ uống	4633
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
49.	Bốc xếp hàng hóa	5224
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
51.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

52.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản	6820
53.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
54.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
55.	Quảng cáo	7310
56.	Trồng lúa	0111
57.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
58.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
59.	Trồng cây mía	0114
60.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
61.	Trồng cây lấy sợi	0116
62.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
63.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
64.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm - Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
65.	Trồng cây ăn quả	0121
66.	Trồng cây cao su	0125
67.	Trồng cây cà phê	0126
68.	Trồng cây chè	0127
69.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128(Chính)
70.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: - Trồng cây cảnh lâu năm - Trồng cây lâu năm khác còn lại	0129
71.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
72.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
73.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
74.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
75.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
76.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
77.	Chăn nuôi gia cầm	0146

78.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát; - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
79.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
80.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
81.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
82.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
83.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
84.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
85.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
86.	Khai thác thủy sản biển	0311
87.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
88.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
89.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
90.	Khai thác và thu gom than non	0520
91.	Khai thác dầu thô	0610
92.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
93.	Khai thác quặng sắt	0710
94.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: - Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát địa chất tại khu vực có tiềm năng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan thử và đào thử.	0990
97.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
98.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
99.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
100.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040

101.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
102.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
103.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
104.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
105.	Sản xuất đường	1072
106.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
107.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
108.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
109.	Sản xuất chè	1076
110.	Sản xuất cà phê	1077
111.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;	1079
112.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
113.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
114.	Sản xuất rượu vang	1102
115.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
116.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
117.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
118.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
119.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
120.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
121.	Thu gom rác thải độc hại	3812

122.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
123.	Trồng cây điều	0123
124.	Trồng cây hồ tiêu	0124
125.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
126.	Khai thác gỗ	0220
127.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: - Khai thác luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây,... - Khai thác sản phẩm khác như cánh kiến, nhựa cây từ cây lâm nghiệp, cây lâm nghiệp đặc sản... - Khai thác gỗ cảnh, củi.	0231
128.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: - Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên; - Thu nhặt các sản phẩm khác từ rừng tự nhiên...	0232
129.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
130.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: - Khai thác quặng bôxít - Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.	0722
131.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHÙNG THỊ VÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 25/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012940003

Ngày cấp: 26/01/2007

Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Dương Đá, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Dương Đá, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **PHÙNG THỊ VÂN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *25/11/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012940003*

Ngày cấp: *26/01/2007*

Nơi cấp: *CA TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Dương Đá, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Dương Đá, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**